

Số: /QĐ-UBND

Vĩnh Thủy, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt mức hỗ trợ kinh phí đối với các cơ sở sản xuất
bị thiệt hại do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi**
(đợt 3, năm 2025, từ ngày 01/11/2025 đến ngày 16/12/2025)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH THUY

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Nghị định 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định
phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà
nước của Bộ nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05/6/2025 của Chính phủ quy
định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật;*

*Căn cứ Biên bản thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ thiệt hại do bệnh Dịch tả lợn
Châu Phi đợt 3, năm 2025 ngày 09/01/2025 của Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ
thiệt hại do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi;*

*Căn cứ Biên bản họp kết thúc niêm yết hồ sơ đề nghị hỗ trợ của cơ sở sản xuất
bị thiệt hại do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi đợt 3, năm 2025 và giải quyết các kiến nghị,
phản ánh của người dân trong thời gian niêm yết ngày 17/01/2026 của Tổ thẩm định
hồ sơ đề nghị hỗ trợ thiệt hại do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi;*

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mức hỗ trợ kinh phí đối với các cơ sở sản xuất bị thiệt hại
do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi (đợt 3, năm 2025, từ ngày 01/11/2025 đến ngày
16/12/2025) với số tiền: **1.106.800.000 đồng** (Một tỷ, một trăm linh sáu triệu, tám
trăm nghìn đồng chẵn).

(Danh sách chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày
05/6/2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động
vật. UBND xã sẽ tổ chức chi trả hỗ trợ các cơ sở sản xuất bị thiệt hại do bệnh Dịch
tả lợn Châu Phi sau khi được UBND tỉnh bố trí kinh phí theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã, Trưởng Phòng Kinh tế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và các cơ sở sản xuất có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y;
- Trạm Chăn nuôi và Thú y số 6;
- CT, các PCT UBND xã;
- Trang TTĐT của xã;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Thái Nam Sơn

Phê duyệt mức hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở sản xuất bị thiệt hại do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi
(đợt 3, năm 2025, từ ngày 01/11/2025 đến ngày 16/12/2025)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2026 của UBND xã Vĩnh Thủy)

ĐVT: đồng

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
I	Huỳnh Hạ	8	17	1.571	62.840.000
1	Huỳnh Xá Hạ	Nguyễn Đức Liên	5	475	19.000.000
2	Huỳnh Xá Hạ	Nguyễn Quyết Thắng	4	280	11.200.000
3	Huỳnh Xá Hạ	Trần Hữu Năm	1	85	3.400.000
4	Huỳnh Xá Hạ	Trần Hữu Tịnh	1	78	3.120.000
5	Huỳnh Xá Hạ	Lê văn Phong	1	148	5.920.000
6	Huỳnh Xá Hạ	Nguyễn Thị Hiền	1	80	3.200.000
7	Huỳnh Xá Hạ	Phan Thị Hoàn	3	245	9.800.000
8	Huỳnh Xá Hạ	Trần Hữu Hoàng	1	180	7.200.000
II	Huỳnh Thượng	6	8	1.202	48.080.000
1	Huỳnh Thượng	Hoàng Thị Bê	2	310	12.400.000
2	Huỳnh Thượng	Trần Thị Hoa	1	150	6.000.000
3	Huỳnh Thượng	Nguyễn Giỡ	1	180	7.200.000
4	Huỳnh Thượng	Võ Thi Hương	2	312	12.480.000
5	Huỳnh Thượng	Nguyễn Quốc Ái	1	130	5.200.000
6	Huỳnh Thượng	Hoàng Thị Diệu	1	120	4.800.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu hủy (con)	Trọng lượng tiêu hủy (kg)	
1	2	3	4	5	6
III	Tiên An	6	11	1.240	49.600.000
1	Tiên An	Nguyễn Thị Quyên	3	225	9.000.000
2	Tiên An	Nguyễn Quyết Thắng	1	165	6.600.000
3	Tiên An	Nguyễn Thị Sen	2	215	8.600.000
4	Tiên An	Nguyễn Thị Mãi	2	255	10.200.000
5	Tiên An	Nguyễn Thị Lan	2	175	7.000.000
6	Tiên An	Nguyễn Thị Tý	1	205	8.200.000
IV	Minh Phước	1	3	300	12.000.000
1	Minh Phước	Nguyễn Thị Liễu	3	300	12.000.000
V	Lê Xá	1	10	753	30.120.000
1	Lê Xá	Hoàng Thị Thu Thủy	10	753	30.120.000
VI	Phan Hiên	15	44	4.387	175.480.000
1	Phan Hiên	Trần Thị Nữ	18	980	39.200.000
2	Phan Hiên	Hoàng Thị Thu Hồng	2	287	11.480.000
3	Phan Hiên	Trần Thị Quỳnh Trang	7	645	25.800.000
4	Phan Hiên	Trân Văn Thời	2	240	9.600.000
5	Phan Hiên	Trần Văn Quang	1	140	5.600.000
6	Phan Hiên	Trần Phong	1	185	7.400.000
7	Phan Hiên	Ngô Thị Phượng	2	300	12.000.000
8	Phan Hiên	Trịnh Thị Sáng	1	150	6.000.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu hủy (con)	Trọng lượng tiêu hủy (kg)	
1	2	3	4	5	6
9	Phan Hiền	Trần Thị Thu	1	150	6.000.000
10	Phan Hiền	Ngô Thị Mai	1	145	5.800.000
11	Phan Hiền	Trần Văn Duy	1	165	6.600.000
12	Phan Hiền	Trần Thị Hải	1	155	6.200.000
13	Phan Hiền	Nguyễn Thị Liễu	2	270	10.800.000
14	Phan Hiền	Đoàn Thị Thương	2	200	8.000.000
15	Phan Hiền	Nguyễn Văn Công	2	375	15.000.000
VII	Thủy Ba Tây	1	2	348	13.920.000
1	Thủy Ba Tây	Lê Thị Thủy	2	348	13.920.000
VIII	Linh Hải	6	45	2.040	81.600.000
1	Linh Hải	Trương Đình Sỹ	4	520	20.800.000
2	Linh Hải	Hồ Thị Hiền	4	172	6.880.000
3	Linh Hải	Nguyễn Văn Thanh	1	228	9.120.000
4	Linh Hải	Nguyễn Thị Hiền	22	390	15.600.000
5	Linh Hải	Hồ Ngọc Cam	11	220	8.800.000
6	Linh Hải	Hoàng Thị Hạnh	3	510	20.400.000
IX	1	1	1	208	8.320.000
1	Tiên Lai	Nguyễn Thị Vinh	1	208	8.320.000
X	5	5	22	3.495	139.800.000
1	Lâm Cao	Hồ Văn Bắc	3	765	30.600.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu hủy (con)	Trọng lượng tiêu hủy (kg)	
1	2	3	4	5	6
2	Lâm Cao	Nguyễn Thị Hà	13	1.563	62.520.000
3	Lâm Cao	Hồ Văn Việt	3	627	25.080.000
4	Lâm Cao	Lê Văn Tường	2	342	13.680.000
5	Lâm Cao	Lê Văn Trọng	1	198	7.920.000
XI	8	8	86	8.681	347.240.000
1	Quảng Xá	Hoàng Thị Hồng Lĩnh	14	1.240	49.600.000
2	Quảng Xá	Lý Thị Thắm	2	364	14.560.000
3	Quảng Xá	Hoàng Thanh Bình	18	2.034	81.360.000
4	Quảng Xá	Hoàng Thị Nhạn	15	1.755	70.200.000
5	Quảng Xá	Nguyễn Thị Thê	8	1.022	40.880.000
6	Quảng Xá	Trương Thị Lê	5	420	16.800.000
7	Quảng Xá	Nguyễn Văn Trọng	2	240	9.600.000
8	Quảng Xá	Nguyễn Thị Kỳ	22	1.606	64.240.000
XII	3	3	22	2.128	85.120.000
1	Duy Viên	Lê Thị Thương	6	635	25.400.000
2	Duy Viên	Ngô Đức Dũng	6	360	14.400.000
3	Duy Viên	Kỳ Thị Phụng	10	1.133	45.320.000
XIII	3	3	15	1.247	49.880.000
1	Tiên Mỹ 2	Nguyễn Văn Vũ	3	200	8.000.000
2	Tiên Mỹ 2	Lê Văn Hợi	8	684	27.360.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu hủy (con)	Trọng lượng tiêu hủy (kg)	
1	2	3	4	5	6
3	Tiên Mỹ 2	Nguyễn Văn Thắng	4	363	14.520.000
XIV	Đặng Xá	1	1	70	2.800.000
1	08/11/2025	Nguyễn Thị Ngọc Mai	1	70	2.800.000
	Tổng	65	287	27.670	1.106.800.000